BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TXDK: 8
CC: 3

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: MH110404003 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100131	Nguyễn Trang	**Anh**	09/11/2004		8,0	tám, không	C24TC1	
2	2210120011	Trần Thị Loan	**Anh**	30/11/2004		6,0	sáu, không	C24TC1	
3	2210120019	Vương Quỳnh	**Hoa**	27/06/2004		8,0	tám, không	C24TC1	
4	2210100123	Đặng Tấn	**Huy**	14/06/2004		6,0	sáu, không	C24TC1	
5	2210120015	Trần Tấn	**Nam**	14/04/2003		6,0	sáu, không	C24TC1	
6	2210120010	Nguyễn Thị Thanh	**Ngân**	18/03/2004		6,0	sáu, không	C24TC1	
7	2210120009	Võ Thị Hồng	**Nhung**	06/12/2003		7,0	bảy, không	C24TC1	
8	2210120016	Nguyễn Như	**Phương**	07/05/2001		9,0	chín, không	C24TC1	
9	2210120013	Trương Trúc	**Quỳnh**	26/08/2004		6,0	sáu, không	C24TC1	
10	2210010041	Lê Ngọc	**Thu**	16/04/2004		7,0	bảy, không	C24TC1	
11	2210120014	Phạm Minh	**Thư**	26/08/2004		7,0	bảy, không	C24TC1	
12	2210120007	Trần Thị Thanh	**Thư**	23/10/2004		6,0	sáu, không	C24TC1	
13	2210120018	Võ Ngọc Anh	**Thư**	15/09/2004		9,0	chín, không	C24TC1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 13 **vắng thi:** 00 **. Số bài thi:** 13 / 13 .

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____**%**

Ngày 2 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 01 tháng 6 năm 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long.

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: MH110404003 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100131	Nguyễn Trang	**Anh**	09/11/2004		6,0	Sáu, không	C24TC1	
2	2210120011	Trần Thị Loan	**Anh**	30/11/2004		6,0	sáu, không	C24TC1	
3	2210120019	Vương Quỳnh	**Hoa**	27/06/2004		7,0	bảy, không	C24TC1	
4	2210100123	Đặng Tấn	**Huy**	14/06/2004		4,5	bốn, năm	C24TC1	
5	2210120015	Trần Tấn	**Nam**	14/04/2003		4,5	bốn, năm	C24TC1	
6	2210120010	Nguyễn Thị Thanh	**Ngân**	18/03/2004		4,5	bốn, năm	C24TC1	
7	2210120009	Võ Thị Hồng	**Nhung**	06/12/2003		4,5	bốn, năm	C24TC1	
8	2210120016	Nguyễn Như	**Phương**	07/05/2001		9,0	Chín, không	C24TC1	
9	2210120013	Trương Trúc	**Quỳnh**	26/08/2004		6,0	sáu, không	C24TC1	
10	2210010041	Lê Ngọc	**Thu**	16/04/2004		7,0	bảy, không	C24TC1	
11	2210120014	Phạm Minh	**Thư**	26/08/2004		5,0	năm, không	C24TC1	
12	2210120007	Trần Thị Thanh	**Thư**	23/10/2004		4,5	bốn, năm	C24TC1	
13	2210120018	Võ Ngọc Anh	**Thư**	15/09/2004		6,0	sáu, không	C24TC1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 13 **vắng thi:** 00 **. Số bài thi:** 13 / 13 .

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____**%**

Ngày 7 *tháng* 7 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Mỹ Linh

Ngày 6 *tháng* 7 *năm* 24

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: MH110404003 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210120024	Nguyễn Thị	**Cẩm**	19/09/2004	Cẩm	7,0	bảy, không	C24TC2	
2	2210120029	Trần Thành	**Đạt**	24/04/2004	Đạt	6,0	sáu, không	C24TC2	
3	2210120022	Quách Thị Kim	**Ngân**	16/10/2004	Ngân	7,0	bảy, không	C24TC2	
4	2210120048	Nguyễn Trọng	**Nguyên**	14/01/2003	Nguyên	6,0	sáu, không	C24TC2	
5	2210120036	Phan Thị Hồng	**Nhung**	28/01/2004	Nhung	7,5	bảy, năm	C24TC2	
6	2210120023	Nguyễn Trần Mỹ	**Phương**	29/03/2004	Phương	8,0	tám, không	C24TC2	
7	2210120049	Đỗ Ngọc	**Quỳnh**	27/12/2004	Quỳnh	6,5	sáu, năm	C24TC2	
8	2210120025	Hồ Bích	**Quỳnh**	12/07/2004	Quỳnh	6,5	sáu, năm	C24TC2	
9	2210120035	Ngô Nhật Minh	**Tân**	27/10/2004	Tân	8,0	tám, không	C24TC2	
10	2210120040	Phạm Quốc	**Thái**	08/03/2003	Thái	6,5	sáu, năm	C24TC2	
11	2210120038	Nguyễn Phúc	**Thông**	09/08/2003	Thông	6,0	sáu, không	C24TC2	
12	2210120046	Nguyễn Thị Anh	**Thư**	25/09/2004	Thư	7,0	bảy, không	C24TC2	
13	2210120039	Nguyễn Thị Mỹ	**Tiên**	29/11/2003	Tiên	7,0	bảy, không	C24TC2	
14	2210120042	Hà Diễm	**Trang**	19/02/2004	Trang	6,5	sáu, năm	C24TC2	
15	2210120033	Nguyễn Thị Kim	**Trang**	13/07/2004	Trang	6,5	sáu, năm	C24TC2	
16	2210120037	Nguyễn Thị Thùy	**Trang**	12/09/2004	Trang	7,0	bảy, không	C24TC2	
17	2210120030	Phan Thị Hoài	**Trinh**	09/10/2004	Trinh	6,0	sáu, không	C24TC2	
18	2210120031	Phan Thị Thanh	**Tự**	28/11/2004	Tự	6,0	sáu, không	C24TC2	
19	2210120041	Huỳnh Phan Thị Nhựt	**Yên**	10/12/2004	Yên	6,0	sáu, không	C24TC2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 19 **vắng thi:** 00 **. Số bài thi:** 19 / 19 .

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____**%**

Ngày 2 *tháng* 6 *năm* 2024
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 1 *tháng* 6 *năm* 2024
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Thuế - MH1104040
Mã lớp học phần: MH110404003 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)
Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____
Giám thị 2:_____ Ký tên:_____
Giám thị 3:_____ Ký tên:_____
Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210120024	Nguyễn Thị	**Cẩm**	19/09/2004	Cẩm	4,5	bốn, năm	C24TC2	
2	2210120029	Trần Thành	**Đạt**	24/04/2004	Đạt	6,0	sáu, không	C24TC2	
3	2210120022	Quách Thị Kim	**Ngân**	16/10/2004	Ngân	6,5	sáu, năm	C24TC2	
4	2210120048	Nguyễn Trọng	**Nguyên**	14/01/2003		5,0	năm, không	C24TC2	
5	2210120036	Phan Thị Hồng	**Nhung**	28/01/2004	Nhung	6,0	sáu, không	C24TC2	
6	2210120023	Nguyễn Trần Mỹ	**Phương**	29/03/2004	Phương	6,0	sáu, không	C24TC2	
7	2210120049	Đỗ Ngọc	**Quỳnh**	27/12/2004		5,0	năm, không	C24TC2	
8	2210120025	Hồ Bích	**Quỳnh**	12/07/2004	Quỳnh	6,0	sáu, không	C24TC2	
9	2210120035	Ngô Nhật Minh	**Tân**	27/10/2004	Tân	8,0	tám, không	C24TC2	
10	2210120040	Phạm Quốc	**Thái**	08/03/2003	Thái	4,5	bốn, năm	C24TC2	
11	2210120038	Nguyễn Phúc	**Thông**	09/08/2003	Thông	4,5	bốn, năm	C24TC2	
12	2210120046	Nguyễn Thị Anh	**Thư**	25/09/2004		6,5	sáu, năm	C24TC2	
13	2210120039	Nguyễn Thị Mỹ	**Tiên**	29/11/2003	Tiên	4,5	bốn, năm	C24TC2	
14	2210120042	Hà Diễm	**Trang**	19/02/2004		5,5	năm, năm	C24TC2	
15	2210120033	Nguyễn Thị Kim	**Trang**	13/07/2004		5,5	năm, năm	C24TC2	
16	2210120037	Nguyễn Thị Thùy	**Trang**	12/09/2004	Trang	5,0	năm, không	C24TC2	
17	2210120030	Phan Thị Hoài	**Trinh**	09/10/2004		4,5	bốn, năm	C24TC2	
18	2210120031	Phan Thị Thanh	**Tự**	28/11/2004		4,5	bốn, năm	C24TC2	
19	2210120041	Huỳnh Phan Thị Nhựt	**Yên**	10/12/2004		6,0	sáu, không	C24TC2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 19 **vắng thi:** 00 **. Số bài thi:** 19 / 19 .
Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____**%**

Ngày 7 *tháng* 7 *năm* 2024
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Mỹ Linh

Ngày 6 *tháng* 7 *năm* 2024
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: MH110404003 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110015	Phạm Thị Thúy	**An**	29/03/2004		6,0	Sáu, không	C24KT1	
2	2210110002	Hoàng Thị Lan	**Anh**	07/06/2003		7,0	bảy, không	C24KT1	
3	2210110007	Hồ Thị Kim	**Anh**	26/12/2004		7,0	bảy, không	C24KT1	
4	2210110005	Trần Thị Bích	**Hằng**	22/08/2002		7,0	bảy, không	C24KT1	
5	2210110010	Lê Thị Ngọc	**Hiền**	14/07/2003		7,0	bảy, không	C24KT1	
6	2210110001	Nguyễn Thúy	**Hiền**	17/11/2002		8,0	tám, không	C24KT1	
7	2210110004	Nguyễn Thị Minh	**Hiếu**	18/02/2000		7,0	bảy, không	C24KT1	
8	2210110027	Nguyễn Thị	**Hoàn**	28/12/2000		8,0	tám, không	C24KT1	
9	2210110016	Nguyễn Ngọc Tú	**My**	31/10/2004		7,0	bảy, không	C24KT1	
10	2210110028	Trần Thanh	**Ngân**	21/09/2004		7,0	bảy, không	C24KT1	
11	2210110023	Nguyễn Ngọc Lan	**Nghi**	02/08/2004		5,0	năm, không	C24KT1	
12	2210110012	Phạm Nhựt Thiên	**Nghi**	15/10/2004		6,0	sáu, không	C24KT1	
13	2210110009	Lê Trung	**Nghĩa**	04/10/2004		9,0	chín, không	C24KT1	
14	2210110013	Võ Ngọc Thảo	**Nhi**	28/05/2004		7,0	bảy, không	C24KT1	
15	2210110030	Đồng Lê Uyên	**Phương**	25/07/2004		7,0	bảy, không	C24KT1	
16	2210110006	Nguyễn Duy	**Quang**	16/07/2000		7,0	bảy, không	C24KT1	
17	2210110018	Nguyễn Thị Trúc	**Quyên**	07/12/2004		7,0	bảy, không	C24KT1	
18	2210110020	Trần Thị Cẩm	**Tiên**	05/03/2004		6,0	sáu, không	C24KT1	
19	2210110011	Trần Thị Ngọc	**Trang**	29/07/2004		7,0	bảy, không	C24KT1	
20	2210110025	Ngô Quế	**Trân**	15/02/2001		7,0	bảy, không	C24KT1	
21	2210110003	Nguyễn Ngọc Bảo	**Trân**	11/08/2002		7,5	bảy, năm	C24KT1	
22	2210110033	Nguyễn Kiên Ngọc	**Trinh**	28/04/2004		7,0	bảy, không	C24KT1	
23	2210110024	Nguyễn Hùng	**Vương**	21/03/2004		7,0	bảy, không	C24KT1	
24	2210110014	Cao Thị Hoàng	**Yến**	13/01/2004		6,0	sáu, không	C24KT1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 24 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 24 / 24 .

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____**%**

Ngày. 2 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày. 1 tháng 6 năm 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long.

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: MH110404003 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110015	Phạm Thị Thúy	An	29/03/2004		4,5	bốn, năm	C24KT1	
2	2210110002	Hoàng Thị Lan	Anh	07/06/2003		5,0	năm, không	C24KT1	
3	2210110007	Hồ Thị Kim	Anh	26/12/2004		5,0	năm, không	C24KT1	
4	2210110005	Trần Thị Bích	Hằng	22/08/2002		4,5	bốn, năm	C24KT1	
5	2210110010	Lê Thị Ngọc	Hiền	14/07/2003		4,5	bốn, năm	C24KT1	
6	2210110001	Nguyễn Thúy	Hiền	17/11/2002		6,0	sáu, không	C24KT1	
7	2210110004	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	18/02/2000		4,5	bốn, năm	C24KT1	
8	2210110027	Nguyễn Thị	Hoàn	28/12/2000		7,0	bảy, không	C24KT1	
9	2210110016	Nguyễn Ngọc Tú	My	31/10/2004		5,5	năm, năm	C24KT1	
10	2210110028	Trần Thanh	Ngân	21/09/2004		5,5	năm, năm	C24KT1	
11	2210110023	Nguyễn Ngọc Lan	Nghi	02/08/2004		5,0	năm, không	C24KT1	
12	2210110012	Phạm Nhựt Thiên	Nghi	15/10/2004		4,5	bốn, năm	C24KT1	
13	2210110009	Lê Trung	Nghĩa	04/10/2004		8,0	tám, không	C24KT1	
14	2210110013	Võ Ngọc Thảo	Nhi	28/05/2004		4,5	bốn, năm	C24KT1	
15	2210110030	Đồng Lê Uyên	Phương	25/07/2004		5,0	năm, không	C24KT1	
16	2210110006	Nguyễn Duy	Quang	16/07/2000		6,0	sáu, không	C24KT1	
17	2210110018	Nguyễn Thị Trúc	Quyên	07/12/2004		5,0	năm, không	C24KT1	
18	2210110020	Trần Thị Cẩm	Tiên	05/03/2004		5,0	năm, không	C24KT1	
19	2210110011	Trần Thị Ngọc	Trang	29/07/2004		5,0	năm, không	C24KT1	
20	2210110025	Ngô Quế	Trân	15/02/2001		5,0	năm, không	C24KT1	
21	2210110003	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	11/08/2002		7,5	bảy, năm	C24KT1	
22	2210110033	Nguyễn Kiên Ngọc	Trinh	28/04/2004		6,5	sáu, năm	C24KT1	
23	2210110024	Nguyễn Hùng	Vương	21/03/2004		6,5	sáu, năm	C24KT1	
24	2210110014	Cao Thị Hoàng	Yến	13/01/2004		5,0	năm, không	C24KT1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 24 **vắng thi:** 00 **. Số bài thi:** 24 / 24 .

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____%

Ngày 7 *tháng* 7 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 6 tháng 7 năm 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long.

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: MH110404003 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110062	Phạm Hà Tú	**Anh**	13/12/2001		7,0	bảy, không	C24KT2	
2	2210110064	Nguyễn Diệp Bảo	**Duy**	03/07/2004		6,0	sáu, không	C24KT2	
3	2210110055	Lâm Thị Ngọc	**Duyên**	17/04/2003		6,0	sáu, không	C24KT2	
4	2210110065	Nguyễn Thị Bích	**Hằng**	16/06/1994		7,0	bảy, không	C24KT2	
5	2210110059	Khương Nhất	**Hiếu**	11/05/2001		7,0	bảy, không	C24KT2	
6	2210110043	Lê Gia	**Huy**	08/01/2004		8,0	tám, không	C24KT2	
7	2210110048	Trần Thu	**Linh**	21/11/2004		7,0	bảy, không	C24KT2	
8	2210110041	Từ Thị Phương	**Linh**	20/12/2004		6,0	sáu, không	C24KT2	
9	2210110039	Lê Thị Kim	**Ngân**	02/09/2004		6,0	sáu, không	C24KT2	
10	2210110054	Trần Thị Trúc	**Ngọc**	13/05/2004		7,0	bảy, không	C24KT2	
11	2210110036	Tô Nguyễn Quỳnh	**Như**	30/07/2004		8,0	tám, không	C24KT2	
12	2210110040	Nguyễn Châu Thảo	**Phương**	12/08/2004		8,0	tám, không	C24KT2	
13	2210110045	Nguyễn Thị Hồng	**Thắm**	16/05/2004		7,0	bảy, không	C24KT2	
14	2210110035	Nguyễn Thị Thanh	**Thúy**	22/10/2004		6,0	sáu, không	C24KT2	
15	2210110044	Nguyễn Đặng Anh	**Thư**	20/12/2004		9,0	chín, không	C24KT2	
16	2210110047	Võ Thị Thùy	**Trang**	21/04/1998		7,0	bảy, không	C24KT2	
17	2210110056	Lê Thị Huyền	**Trân**	30/04/2004		7,5	bảy, năm	C24KT2	
18	2210110061	Nguyễn Thảo Phương	**Uyên**	12/03/2004		7,0	bảy, không	C24KT2	
19	2210110037	Nguyễn Thụy Xuân	**Yến**	23/03/2004		6,0	sáu, không	C24KT2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 19 **vắng thi:** 00 **. Số bài thi:** 19 / 19 .

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**____,____%

Ngày 2 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thụy Minh

Ngày 1 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long.

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: MH110404003 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110062	Phạm Hà Tú	**Anh**	13/12/2001		4,5	bốn, năm	C24KT2	
2	2210110064	Nguyễn Diệp Bảo	**Duy**	03/07/2004		4,5	bốn, năm	C24KT2	
3	2210110055	Lâm Thị Ngọc	**Duyên**	17/04/2003		4,5	bốn, năm	C24KT2	
4	2210110065	Nguyễn Thị Bích	**Hằng**	16/06/1994		7,5	bảy, năm	C24KT2	
5	2210110059	Khương Nhất	**Hiếu**	11/05/2001		4,5	bốn, năm	C24KT2	
6	2210110043	Lê Gia	**Huy**	08/01/2004		6,0	sáu, không	C24KT2	
7	2210110048	Trần Thu	**Linh**	21/11/2004		6,5	sáu, năm	C24KT2	
8	2210110041	Từ Thị Phương	**Linh**	20/12/2004		4,5	bốn, năm	C24KT2	
9	2210110039	Lê Thị Kim	**Ngân**	02/09/2004		4,5	bốn, năm	C24KT2	
10	2210110054	Trần Thị Trúc	**Ngọc**	13/05/2004		4,5	bốn, năm	C24KT2	
11	2210110036	Tô Nguyễn Quỳnh	**Như**	30/07/2004		4,0	bốn, không	C24KT2	
12	2210110040	Nguyễn Châu Thảo	**Phương**	12/08/2004		4,0	bốn, không	C24KT2	
13	2210110045	Nguyễn Thị Hồng	**Thắm**	16/05/2004		4,5	bốn, năm	C24KT2	
14	2210110035	Nguyễn Thị Thanh	**Thúy**	22/10/2004		4,5	bốn, năm	C24KT2	
15	2210110044	Nguyễn Đặng Anh	**Thư**	20/12/2004		9,0	chín, không	C24KT2	
16	2210110047	Võ Thị Thùy	**Trang**	21/04/1998		4,5	bốn, năm	C24KT2	
17	2210110056	Lê Thị Huyền	**Trân**	30/04/2004		6,0	sáu, không	C24KT2	
18	2210110061	Nguyễn Thảo Phương	**Uyên**	12/03/2004		4,5	bốn, năm	C24KT2	
19	2210110037	Nguyễn Thụy Xuân	**Yến**	23/03/2004		4,5	bốn, năm	C24KT2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 19 **vắng thi:** 00 **. Số bài thi:** 19 / 19 .

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**____,____**%**

Ngày 7 *tháng* 7 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 6 *tháng* 7 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: MH110404003 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110038	Thái Thị Hoài	**Ân**	17/01/2004		8,0	Tám, không	C24KT2	
2	2210110063	Phạm Nguyệt	**Minh**	06/01/2004		7,0	bảy, không	C24KT2	
3	2210110060	Huỳnh Lê Trúc	**Xuân**	09/10/2004		6,0	sáu, không	C24KT2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 03 **vắng thi:** 00 **. Số bài thi:** 03 / 03 .

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**____,____**%**

Ngày 2 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Thảo Thị Mỹ Hà

Ngày 1 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: MH110404003 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110038	Thái Thị Hoài	**Ân**	17/01/2004		8,0	Tám, không	C24KT2	
2	2210110063	Phạm Nguyệt	**Minh**	06/01/2004		5,5	Năm, năm	C24KT2	
3	2210110060	Huỳnh Lê Trúc	**Xuân**	09/10/2004		4,5	Bốn, năm	C24KT2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 03 **vắng thi:** 00 **. Số bài thi:** 03 / 03 .

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____**%**

Ngày 7 *tháng* 7 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Thu Thủy

Ngày 6 *tháng* 7 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long.

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: MH110404003 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110029	Nguyễn Thị Huỳnh	**Như**	07/02/2004	Như	7,0	Bảy điểm	C24KT1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 01 **vắng thi:** 00 **. Số bài thi:** 01 / 01 .

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**____,____**%**

Ngày 2 *tháng* 6 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Thân Thị Mỹ Linh

Ngày 1 *tháng* 6 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: MH110404003 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110029	Nguyễn Thị Huỳnh **Như**	07/02/2004	Như	5,0	Năm, không	C24KT1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 01 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:**_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____**%**

Ngày 7 tháng 7 năm 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Mỹ Linh

Ngày 6 tháng 7 năm 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: MH110404003 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100015	Trần Thị Hồng	**Hải**	05/05/2003	Hải	6,5	Sáu, năm.	C24TC1	
2	2210120001	Nguyễn Thành	**Khôi**	27/02/2001				C24TC1	Nghỉ 2 buổi.

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 01 **vắng thi:** 01 **. Số bài thi:** 01 / 01 .

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____**%**

Ngày. 2..tháng..6..năm..2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Mỹ Hạnh

Ngày. 1..tháng..6.....năm..2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long.

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: MH110404003 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100015	Trần Thị Hồng	**Hải**	05/05/2003	Hải	5,5	Năm, năm	C24TC1	
2	2210120001	Nguyễn Thành	**Khôi**	27/02/2001				C24TC1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 01 **vắng thi:** 01 **. Số bài thi:** 01 / 01 .

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____**%**

Ngày 7 tháng 7 năm 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Mỹ Linh

Ngày 6 tháng 7 năm 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN 12

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: MH110404003 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110110042	Phạm Tâm	**Thiên**	08/08/2003		7,0	Bảy, không.	C23KT2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 01 **vắng thi:** 00 **. Số bài thi:** 01 / 01 .

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**____,____**%**

Ngày. 2 *tháng.* 6 *..năm..* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Thiên Thy

Ngày. 1 *..tháng.* 6 *..năm...* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long.

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Thuế - MH1104040

Mã lớp học phần: MH110404003 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110110042	Phạm Tâm	**Thiên**	08/08/2003	Thiên	8,0	Tám, không.	C23KT2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 01 **vắng thi:** 00 **. Số bài thi:** 1 / 1 .

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____**%**

Ngày 7 *tháng* 7 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Mỹ Linh

Ngày 6 *tháng* 7 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long.

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Thuế - MH1104040 — Giám thị 1: Trần Thị Hoa — Ký tên:
Mã lớp học phần: MH110404003 — **Số tín chỉ: 3** — Giám thị 2: Đào Thị Hồng Hạnh — Ký tên:
Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long — Giám thị 3: _____ — Ký tên:
Ngày thi: 24/07/2024 — **Giờ thi: 07h45** — **Phòng thi: A1.9** — Giám thị 4: _____ — Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110039	Lê Thị Kim	**Ngân**	02/09/2004		1	7,0	bảy, không	C24KT2	
2	2210120010	Nguyễn Thị Thanh	**Ngân**	18/03/2004		1	4,0	bốn, không	C24TC1	
3	2210120022	Quách Thị Kim	**Ngân**	16/10/2004		1	7,0	bảy, không	C24TC2	
4	2210110028	Trần Thanh	**Ngân**	21/09/2004		1	4,0	bốn, không	C24KT1	
5	2210110023	Nguyễn Ngọc Lan	**Nghi**	02/08/2004		1	6,0	sáu, không	C24KT1	
6	2210110012	Phạm Nhựt Thiên	**Nghi**	15/10/2004		1	5,0	năm, không	C24KT1	
7	2210110036	Tô Nguyễn Quỳnh	**Như**	30/07/2004		1	5,0	năm, không	C24KT2	
8	2210110030	Đồng Lê Uyên	**Phương**	25/07/2004		1	5,5	năm, năm	C24KT1	
9	2210110040	Nguyễn Châu Thảo	**Phương**	12/08/2004		1	7,0	bảy, không	C24KT2	
10	2210120016	Nguyễn Như	**Phương**	07/05/2001		1	8,5	tám, năm	C24TC1	
11	2210120023	Nguyễn Trần Mỹ	**Phương**	29/03/2004		1	7,0	bảy, không	C24TC2	
12	2210110006	Nguyễn Duy	**Quang**	16/07/2000		1	7,0	bảy, không	C24KT1	
13	2210110018	Nguyễn Thị Trúc	**Quyên**	07/12/2004		1	4,0	bốn, không	C24KT1	
14	2210120049	Đỗ Ngọc	**Quỳnh**	27/12/2004		1	7,0	bảy, không	C24TC2	
15	2210120025	Hồ Bích	**Quỳnh**	12/07/2004		1	6,0	sáu, không	C24TC2	
16	2210120013	Trương Trúc	**Quỳnh**	26/08/2004		1	4,0	bốn, không	C24TC1	
17	2210120035	Ngô Nhật Minh	**Tân**	27/10/2004		1	6,0	sáu, không	C24TC2	
18	2210120040	Phạm Quốc	**Thái**	08/03/2003		1	4,5	bốn, năm	C24TC2	
19	2210110045	Nguyễn Thị Hồng	**Thắm**	16/05/2004		1	6,0	sáu, không	C24KT2	
20	2210120038	Nguyễn Phúc	**Thông**	09/08/2003		1	3,0	ba, không	C24TC2	
21	2210010041	Lê Ngọc	**Thu**	16/04/2004		1	6,0	sáu, không	C24TC1	
22	2210110035	Nguyễn Thị Thanh	**Thúy**	22/10/2004		1	6,5	sáu, năm	C24KT2	
23	2210110044	Nguyễn Đặng Anh	**Thư**	20/12/2004		1	8,5	tám, năm	C24KT2	
24	2210120046	Nguyễn Thị Anh	**Thư**	25/09/2004		1	7,0	bảy, không	C24TC2	
25	2210120014	Phạm Minh	**Thư**	26/08/2004		1	6,0	sáu, không	C24TC1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
26	2210120007	Trần Thị Thanh	**Thư**	23/10/2004					C24TC1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 25 **vắng thi:** 01 **. Số bài thi/Số tờ:** 25 / 25 .

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:**_____**%**

Ngày 3 *tháng* 8 *năm* 2024
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Thanh

Ngày 2 *tháng* 8 *năm* 2024
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long.

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Thuế - MH1104040 — Giám thị 1: Nguyễn Văn Trinh — Ký tên:
Mã lớp học phần: MH110404003 **Số tín chỉ: 3** — Giám thị 2: Phạm Văn Dũng — Ký tên:
Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long — Giám thị 3: _____ — Ký tên:
Ngày thi: 24/07/2024 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: A1.12** — Giám thị 4: _____ — Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110015	Phạm Thị Thúy	**An**	29/03/2004		1	3,0	Ba, không	C24KT1	
2	2210110002	Hoàng Thị Lan	**Anh**	07/06/2003		1	7,5	Bảy, năm	C24KT1	
3	2210110007	Hồ Thị Kim	**Anh**	26/12/2004		1	6,5	Sáu, năm	C24KT1	
4	2210100131	Nguyễn Trang	**Anh**	09/11/2004		1	6,0	Sáu, không	C24TC1	
5	2210110062	Phạm Hà Tú	**Anh**	13/12/2001		1	6,0	Sáu, không	C24KT2	
6	2210120011	Trần Thị Loan	**Anh**	30/11/2004		1	7,5	bảy, năm	C24TC1	
7	2210110038	Thái Thị Hoài	**Ân**	17/01/2004		1	7,5	bảy, năm	C24KT2	
8	2210120024	Nguyễn Thị	**Cẩm**	19/09/2004		1	5,0	năm, không	C24TC2	
9	2210110064	Nguyễn Diệp Bảo	**Duy**	03/07/2004		1	6,5	Sáu, năm	C24KT2	
10	2210110055	Lâm Thị Ngọc	**Duyên**	17/04/2003		1	4,0	bốn, không	C24KT2	
11	2210120029	Trần Thành	**Đạt**	24/04/2004		1	3,0	ba, không	C24TC2	
12	2210100015	Trần Thị Hồng	**Hải**	05/05/2003		1	3,5	ba, năm	C24TC1	
13	2210110065	Nguyễn Thị Bích	**Hằng**	16/06/1994		1	6,5	sáu, năm	C24KT2	
14	2210110005	Trần Thị Bích	**Hằng**	22/08/2002		1	2,5	hai, năm	C24KT1	
15	2210110010	Lê Thị Ngọc	**Hiền**	14/07/2003		1	2,5	hai, năm	C24KT1	
16	2210110001	Nguyễn Thúy	**Hiền**	17/11/2002		1	6,5	sáu, năm	C24KT1	
17	2210110059	Khương Nhất	**Hiếu**	11/05/2001		1	6,0	Sáu, không	C24KT2	
18	2210110004	Nguyễn Thị Minh	**Hiếu**	18/02/2000		1	5,0	năm, không	C24KT1	
19	2210120019	Vương Quỳnh	**Hoa**	27/06/2004		1	7,5	bảy, năm	C24TC1	
20	2210110027	Nguyễn Thị	**Hoàn**	28/12/2000		1	8,5	tám, năm	C24KT1	
21	2210100123	Đặng Tấn	**Huy**	14/06/2004		1	3,0	ba, không	C24TC1	
22	2210110043	Lê Gia	**Huy**	08/01/2004		1	6,5	sáu, năm	C24KT2	
23	2210110048	Trần Thu	**Linh**	21/11/2004		1	5,0	năm, không	C24KT2	
24	2210110041	Từ Thị Phương	**Linh**	20/12/2004		1	5,0	năm, không	C24KT2	
25	2210110016	Nguyễn Ngọc Tú	**My**	31/10/2004		1	4,0	bốn, không	C24KT1	
26	2210120015	Trần Tấn	**Nam**	14/04/2003		1	2,0	hai, không	C24TC1	
27	2210110029	Nguyễn Thị Huỳnh	**Như**	07/02/2004		1	2,5	hai, năm	C24KT1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
28	2210110060	Huỳnh Lê Trúc	**Xuân**	09/10/2004	Xuân	1	3,5	ba, năm	C24KT2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 28 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 28 / 28 **.**

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:**_____**%**

Ngày 3 *tháng* 8 *năm* 2024

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Đỗ Thiện Tùng Nhã

Ngày 2 *tháng* 8 *năm* 2024

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Thuế - MH1104040 — Giám thị 1: Nguyễn Tiến Dũng — Ký tên:

Mã lớp học phần: MH110404003 **Số tín chỉ: 3** — Giám thị 2: Trương Thị Ngọc Thu — Ký tên:

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long — Giám thị 3: _____ — Ký tên:

Ngày thi: 24/07/2024 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: A1.8** — Giám thị 4: _____ — Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210110063	Phạm Nguyệt	**Minh**	06/01/2004		1	5,0	năm, không	C24KT2	
2	2210110009	Lê Trung	**Nghĩa**	04/10/2004		1	8,0	tám, không	C24KT1	
3	2210110054	Trần Thị Trúc	**Ngọc**	13/05/2004		1	6,5	sáu, năm	C24KT2	
4	2210120048	Nguyễn Trọng	**Nguyên**	14/01/2003		1	5,0	năm, không	C24TC2	
5	2210110013	Võ Ngọc Thảo	**Nhi**	28/05/2004		1	4,5	bốn, năm	C24KT1	
6	2210120036	Phan Thị Hồng	**Nhung**	28/01/2004		1	4,0	bốn, không	C24TC2	
7	2210120009	Võ Thị Hồng	**Nhung**	06/12/2003		1	4,0	bốn, không	C24TC1	
8	2210120018	Võ Ngọc Anh	**Thư**	15/09/2004		1	6,5	sáu, năm	C24TC1	
9	2210120039	Nguyễn Thị Mỹ	**Tiên**	29/11/2003		1	1,0	một, không	C24TC2	
10	2210110020	Trần Thị Cẩm	**Tiên**	05/03/2004		1	4,0	bốn, không	C24KT1	
11	2210120042	Hà Diễm	**Trang**	19/02/2004		1	1,0	một, không	C24TC2	
12	2210120033	Nguyễn Thị Kim	**Trang**	13/07/2004		1	1,0	một, không	C24TC2	
13	2210120037	Nguyễn Thị Thùy	**Trang**	12/09/2004		1	6,0	sáu, không	C24TC2	
14	2210110011	Trần Thị Ngọc	**Trang**	29/07/2004		1	4,5	bốn, năm	C24KT1	
15	2210110047	Võ Thị Thùy	**Trang**	21/04/1998		1	6,0	sáu, không	C24KT2	
16	2210110056	Lê Thị Huyền	**Trân**	30/04/2004		1	6,0	sáu, không	C24KT2	
17	2210110025	Ngô Quế	**Trân**	15/02/2001		1	8,0	tám, không	C24KT1	
18	2210110003	Nguyễn Ngọc Bảo	**Trân**	11/08/2002		1	7,0	bảy, không	C24KT1	
19	2210110033	Nguyễn Kiên Ngọc	**Trinh**	28/04/2004					C24KT1	
20	2210120030	Phan Thị Hoài	**Trinh**	09/10/2004		1	2,5	hai, năm	C24TC2	
21	2210120031	Phan Thị Thanh	**Tự**	28/11/2004		1	2,5	hai, năm	C24TC2	
22	2210110061	Nguyễn Thảo Phương	**Uyên**	12/03/2004		1	3,5	ba, năm	C24KT2	
23	2210110024	Nguyễn Hùng	**Vương**	21/03/2004		1	4,0	bốn, không	C24KT1	
24	2210120041	Huỳnh Phan Thị Nhựt	**Yên**	10/12/2004		1	3,0	ba, không	C24TC2	
25	2210110014	Cao Thị Hoàng	**Yến**	13/01/2004		1	4,0	bốn, không	C24KT1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
26	2210110037	Nguyễn Thụy Xuân	**Yến**	23/03/2004	Yến	1	4,0	bốn, không	C24KT2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 25 **vắng thi:** 01 **. Số bài thi/Số tờ:** 25 / 25 .

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:**_____**%**

Ngày 3 tháng 8 năm 2024
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 2 tháng 8 năm 2024
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Văn Long